

Số: **82/2021/QĐST-DS**

*Hà Nội, ngày 26 tháng 11 năm 2021.*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 18 tháng 11 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 92/2021/TLST-DS về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” ngày 03 tháng 11 năm 2021.

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:**

**Nguyên đơn: Ông Đinh N T, sinh năm 1976 và bà Nguyễn Công Thị T H, sinh năm 1975**

Cùng trú tại: căn hộ \*\*\*, Tòa nhà CT2A \*\*, Nam Trung Yên, tổ \*\*, phường Yên Hoà, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

**Bị đơn: Bà Nguyễn Thị B N, sinh năm 1976**

HKTT: Số \*\*D, ngách \*\*/\* Đào Tấn, phường Cống Vị, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Nơi ở hiện nay: Phòng \*\*\*\*\* R\*A Royal City, \*\* Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

**2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

2.1. Xác định số tiền nợ gốc bà Nguyễn Thị B N còn nợ ông Đinh N T và bà Nguyễn Công Thị T H là 276.000.000 đ (Hai trăm bảy mươi sáu triệu đồng).

- Lộ trình trả nợ như sau:

+ Chậm nhất ngày 15/12/2021, bà Nguyễn Thị B N thanh toán số tiền 130.000.000 (Một trăm ba mươi triệu đồng) cho ông Đinh N T và bà Nguyễn Công Thị T H.

+ Chậm nhất ngày 15/01/2021, bà Nguyễn Thị B N thanh toán số tiền 146.000.000 (Một trăm bốn sáu triệu đồng) cho ông Đinh N T và bà Nguyễn Công Thị T H.

Miễn toàn bộ số tiền lãi cho bà Nguyễn Thị B N.

\* Trong trường hợp bà Nguyễn Thị B N vi phạm bất kỳ kỳ hạn trả nợ nào, ông Đinh N T và bà Nguyễn Công Thị T H có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự thi hành toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán với lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày đến hạn thanh toán đến khi thanh toán hết nợ gốc.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày lập biên bản hòa giải thành, phía bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo quy định của pháp luật đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

- Về án phí: Bị đơn tự nguyện chịu toàn bộ án phí hòa giải thành theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị B N phải chịu 6.900.000 đồng (*Sáu triệu chín trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Hoàn trả ông Đinh N T và bà Nguyễn Công Thị T H số tiền 6.900.000đ (*Sáu triệu chín trăm nghìn đồng*) tiền tạm tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007075 ngày 03/11/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

6. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01.01.2017 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Lê Thị Thu Hường**

**Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:**

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).